

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2022/DSST

Ngày: 30-3-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thăng Long
2. Bà Vương Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Long – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2021/TLST- DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1964. Có mặt

Địa chỉ: Thôn V, xã Tr, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã Tr, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Uyên, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã Tr, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2021, bản tự khai ngày 28/10/2021, lời trình bày tại phiên hòa giải và phiên tòa của nguyên đơn là ông Lê Văn T thể hiện:

Do mối quan hệ làng xóm nên ông Lê Văn Th có nhờ ông T vay cho một số tiền để làm ăn, cụ Th là để nuôi tôm. Ông T đồng ý và có vay hộ số tiền như sau: Ngày

16/11/2018 ông Th có vay lại của ông T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn), hẹn trong thời gian 01 tháng sẽ trả (30 ngày); Ngày 18/12/2018 ông Lê Văn Th lại nhờ ông T vay số tiền là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng; Ngày 16/9/2019, ông Th có vay ông T số tiền là 50.950.000 đồng (Năm mươi triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng). Cả ba lần vay trên, ông Th trực tiếp viết giấy nhận nợ vay lại của ông T. Tổng cộng số tiền ông Th vay của ông T là 310.950.000 đồng (Ba trăm mười triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Do ông Th vay tiền để nuôi tôm nhằm thu lợi nhuận cho gia đình nên ông T đề nghị buộc cả ông Th và vợ là bà Lê Thị U phải cùng có trách nhiệm trả khoản nợ trên.

Tại phiên hòa giải ngày 11/01/2022 và tại phiên tòa, ông T đề nghị Tòa án buộc ông Lê Văn Th và vợ là Lê Thị U trả cho ông tổng số tiền nợ là 226.950.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật từ thời điểm bản án có hiệu lực cho đến khi trả xong số tiền trên. Khoản tiền còn lại và tiền lãi cho đến trước ngày xét xử ông T không yêu cầu vì thấy ông Th khó khăn. Ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền nợ gốc là 84.000.000 đồng (Tám mươi tư triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 09/11/2021, lời trình bày tại phiên hòa giải của bị đơn ông Lê Văn Th thể hiện:

Ông Th có vay của ông Lê Văn T: lần 1 là 50.000.000 đồng; lần hai là 210.000.000 đồng; lần 3: ông không vay mà do ông T tính lãi cộng dồn lại và ông viết giấy nhận nợ. Nay ông Th thống nhất như số tiền gốc đang nợ là 310.950.000 đồng (Ba trăm mười triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng). Do cần tiền làm ăn đầu tư nuôi đồng tôm nhưng thất bại, thua lỗ nên ông Th và vợ có vay tiền của ông T. Tại phiên hòa giải lần 2 ngày 11/01/2022, ông Th thống nhất sẽ trả cho ông T tổng số tiền mà ông T yêu cầu là 226.950.000 đồng, đồng thời đề nghị Tòa án kéo dài thời gian để ông trả nợ cho ông T.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Lê Thị U thể hiện: Do tôi không biết chữ nên đề nghị Tòa án ghi lại lời khai của tôi. Việc vay nợ của ông Th và ông T thế nào tôi không biết. Việc ông Th nuôi tôm cũng không bàn bạc với tôi. Ông Th nuôi tôm tại thôn 2 Đại Trường, xã Tr. Tôi không tham gia vào việc nuôi tôm, lỗ lãi như thế nào tôi không biết. Thời điểm nuôi tôm, công việc của tôi chỉ làm ruộng. Nay đối với số tiền ông Th nợ ông T thì ông Th kiếm được ông Th trả nợ

Tại Biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Tr Th hiện: Qua xác minh tại địa phương thì ông Lê Văn Th có thuê đất nuôi tôm công nghiệp, thời điểm nuôi tôm là năm 2015 đến năm 2019 thì thua lỗ nên ông Th không nuôi nữa. Lý do thua lỗ là do thiên tai

nên vỡ đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận đề nghị của ông T là rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Việc ông Lê Văn T yêu cầu ông Lê Văn Th và bà Lê Thị U(vợ ông Th) cùng nhau trả toàn bộ khoản nợ còn lại là 226.950.000 đồng cùng với lãi suất theo quy định của pháp luật là có cơ sở bởi ông Th đã xác nhận khoản vay với ông T và mặc dù việc vay tiền do 1 mình ông Th thực hiện nhưng ông Th vay tiền để nuôi tằm tạo nguồn thu nhập cho gia đình nên bà Lê Thị U vẫn phải có nghĩa vụ cùng ông Th trả nợ cho ông T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị Uphải có trách nhiệm cùng ông Th trả khoản nợ trên cho ông T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351, 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, buộc ông Lê Văn Th và bà Lê Thị Uphải trả cho ông Lê Văn T tổng số tiền 226.950.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn là ông Lê Văn Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông T số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp.

Tại phiên tòa ngƯ đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông T khởi kiện yêu cầu ông Th phải trả khoản tiền đã vay, mặc dù hai ông đều cho rằng ông T vay hộ ông Th nhưng bản chất là ông Th đã viết giấy nhận nợ với ông T, trong đó không ràng buộc đến người thứ ba nào khác. Mục đích vay tiền là để nuôi đồng tằm,

phát triển kinh tế. Đến hạn trả nợ, do nuôi tôm thua lỗ nên ông Th không trả được khoản tiền đã vay. Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Th phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 28/3/2022, do bị đơn là ông Lê Văn Th vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông Th tiếp tục vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị U đề nghị vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[3] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đề nghị buộc ông Lê Văn Th và bà Lê Thị Uphải trả khoản nợ ông Th vay để nuôi tôm, phát triển kinh tế với tổng số tiền vay là 310.950.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, do thấy ông Th khó khăn nên ông T chỉ yêu cầu ông Th và bà U phải trả cho ông số tiền là 226.950.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong. Ông Th cũng thừa nhận còn nợ ông T số tiền này, mục đích ông vay để nuôi tôm, nhưng do thiên tai dịch bệnh nên thua lỗ. Tại các phiên hòa giải, ông Th thống nhất sẽ trả cho ông T số nợ là 226.950.000 đồng, nhưng cho ông thời gian để trả dần. Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích ông Th vay tiền ông T là để nuôi tôm nhằm thu lợi nhuận cho gia đình, phát triển kinh tế chung của cả hai vợ chồng, việc thua lỗ là ngoài ý muốn. Quá trình hòa giải, ông Th cũng cam kết vợ chồng ông sẽ cùng có trách nhiệm trả nợ. Việc bà Lê Thị Ucho rằng không biết việc ông Th vay nợ, không biết việc ông Th nuôi tôm lỗ lãi thế nào nhưng bà cũng thừa nhận biết việc ông Th có nuôi tôm. Do ông Th vay tiền để nhằm phát triển kinh tế chung của cả hai vợ chồng nên buộc cả ông Th và vợ là bà U cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, buộc ông Lê Văn Th và bà Lê Thị U có trách nhiệm phải trả cho ông Lê Văn T số tiền là 226.950.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận đề nghị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với số tiền 84.000.000 đồng, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

Về lãi suất: Do nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Th và bà U phải trả tiền lãi suất trên số tiền còn nợ, thời điểm tính lãi kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Nhận thấy đây là yêu cầu hợp pháp nên cần chấp nhận.

Về phương thức trả nợ: Quá trình hòa giải, ông T đã cho ông Th và bà U được phân kỳ trả nợ, tuy nhiên do không có sự có mặt của bà U nên thỏa thuận không thành. Tại phiên tòa, ông T đề nghị ông Th và bà U phải trả toàn bộ số tiền nợ 226.950.000 đồng làm một lần. Nhận thấy đây là yêu cầu hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T, buộc ông Lê Văn Th và bà Lê Thị U phải trả cho ông T toàn bộ số tiền 226.950.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) làm một lần.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn Th phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm là: 226.950.000 đồng x 5% = 11.348.000 đồng (Mười một triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Do ông Lê Văn T không phải chịu án phí nên trả lại cho ông số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa là 7.770.000 đồng (Bảy triệu, bảy trăm, bảy mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 351, 357, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao;
- Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T. Buộc ông Lê Văn Th và bà Lê Thị U phải trả cho ông Lê Văn T số tiền 226.950.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với yêu cầu đòi số tiền 84.000.000 đồng (Tám mươi tư triệu đồng).

Buộc ông Lê Văn Th và bà Lê Thị U phải chịu tiền lãi suất trên tổng số tiền còn nợ với mức lãi suất là 10%/năm, thời gian tính lãi kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến thời điểm ông T có đơn yêu cầu thi hành án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn là ông Lê Văn Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.348.000 đồng (Mười một triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Trả lại cho ông Lê Văn T số tiền tạm ứng án phí là 7.770.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0011032 ngày 19/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. Hoằng Hóa;
- Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thư

Đỗ Thế Huân

Lê Thị Ngọc Tú

